

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-BVHTTDL ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 79/TTr-SVHTTDL ngày 10 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Văn hóa - TTDL;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TCD, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Gia Long

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Quyết định số: 1029/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH					
1	2.001740	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	2.001737	Thủ tục xác nhận thay đổi	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 - Nghị định số 25/2018/NĐ-

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)		CP ngày 28/02/2018 - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
II	Lĩnh vực: Gia đình					
3	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	06 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(http://dichvucong.gov.vn)		của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
4	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	06 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III	Lĩnh vực: Nghệ thuật biểu diễn					
5	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Đến dưới 50 phút: 1.000.000 Từ 50 đến dưới 100 phút: 1.400.000. Từ 100 đến dưới 150 phút: 2.000.000 Từ 150 đến dưới 200 phút: 2.340.000 Từ 200 phút trở lên: 3.500.000. Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư này (Thông tư số 153/2025/TT-BTC), bao gồm: các hoạt động biểu	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 - Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam	
6	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)		cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)		của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
IV	Lĩnh vực: Văn hoá					
8	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 - Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2025 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
9	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục	Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 10.000.000	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn)	đồng/Giấy phép/lần thẩm định	- Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2025 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP XÃ						
1	1.014475	Nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự - Cấp Giấy phép đủ điều kiện	Thời gian giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke không quá 16	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. -Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	1. Người nộp hồ sơ thanh toán lệ phí của hồ sơ đăng ký thực hiện thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tại thời điểm nộp hồ sơ theo thông báo trên	- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 - Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 - Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 - Nghị định số 54/2019/NĐ-

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		kinh doanh dịch vụ karaoke	ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	(http://dichvucong.gov.vn)	Cổng Dịch vụ công quốc gia và tin nhắn SMS theo các phương thức sau: a) Chuyển vào tài khoản thụ hưởng của cơ quan có thẩm quyền. b) Trực tuyến thông qua chức năng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia và các nền tảng thanh toán hợp lệ khác. 2. Lệ phí đăng ký thực hiện nhóm thủ tục hành chính không được hoàn trả cho người nộp trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp Giấy phép. 83. Mức thu phí, lệ phí của nhóm thủ	CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 - Nghị định số 297/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 - Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2025 - Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					tục hành chính, bao gồm: a) Lệ phí đăng ký thành lập hộ kinh doanh: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). b) Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh: 300.000 đồng (theo Điều 4 Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính). c) Phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (theo Điều 4 Thông tư số	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					110/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính): 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
A	TTHC CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC: XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH			
01	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ	UBND tỉnh
02	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ	UBND tỉnh